



Số: 193.-18/CVTK

TP. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2018.

V/v: Giải trình biến động số liệu lợi
nhuận giữa 02 kỳ báo cáo.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở GD&ĐT TP. HCM (HOSE).

Công ty cổ phần Sợi Thép Kỳ giải trình biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 trên Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét giữa niên độ như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Khoản mục	6 tháng đầu 2018 (đã soát xét)	6 tháng đầu 2017 (đã soát xét)	Tăng (+)/ Giảm (-)	
1	Doanh thu thuần	1.191.984.528.789	917.705.825.298	274.278.703.491	29,9%
2	Lợi nhuận gộp	162.384.754.417	103.205.307.892	59.179.446.525	57,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	96.599.529.129	54.455.060.031	42.144.469.098	77,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	84.407.102.346	49.087.012.560	35.320.089.786	72,0%

Nguyên nhân:

Doanh thu thuần tăng 274,3 tỉ so với cùng kỳ, tương ứng tăng 29,9% do 2018 giá bán và thị trường thuận lợi hơn cùng kỳ 2017. Giá bán tăng 16,4% làm cho tỉ trọng lợi nhuận gộp tăng 57,3% so với cùng kỳ 2017. Trong khi đó, các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý có phát sinh tăng so với cùng kỳ nhưng tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu. Nhờ sự cải thiện đáng kể trong lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nên mặc dù lỗ tỷ giá tăng mạnh so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng lần lượt là 77,4% và 72,0%.

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

Nơi nhận:

- UBCKNN; HOSE;
- Website Công ty;
- Lưu văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỲ
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



ĐẶNG TRIỆU HÒA
TỔNG GIÁM ĐỐC



Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 34

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Công ty hiện có hai dự án đầu tư:

- Xưởng sản xuất sợi tơ tổng hợp hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000029 do Ban Quản lý các khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2007. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2048.
- Nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY, FDY – Chi nhánh Trảng Bàng hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0380478317 thay đổi lần thứ 11 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 44 (bốn mươi bốn năm), kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Công ty có một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch	
Ông Đặng Hương Cường	Thành viên	
Bà Đặng Mỹ Linh	Thành viên	
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên	
Ông Chen Che Jen	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Võ Quang Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Quốc Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Lee Chien Kuan	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Thái Tuấn Chí	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban	
Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Lu Yen Kun	Giám đốc Sản xuất và Công nghệ
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Bộ phận Phát triển chiến lược
Ông Phan Như Bích	Giám đốc tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: *hiết*



Đặng Triệu Hòa
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60867230/20263243/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		831.994.113.330	613.147.941.188
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	261.457.395.140	116.615.724.965
111	1. Tiền		12.077.395.140	10.315.724.965
112	2. Các khoản tương đương tiền		249.380.000.000	106.300.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		75.858.503.993	62.927.402.010
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	57.916.078.439	56.914.886.934
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.171.890.016	4.592.640.316
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	770.535.538	1.418.803.381
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	1.071.379
140	III. Hàng tồn kho	8	453.992.036.522	399.379.313.955
141	1. Hàng tồn kho		454.583.231.600	401.784.875.885
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(591.195.078)	(2.405.561.930)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		40.686.177.675	34.225.500.258
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	5.391.731.166	5.184.408.462
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	34.329.451.708	27.898.416.731
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	964.994.801	1.142.675.065
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.272.569.912.078	1.365.394.787.520
220	I. Tài sản cố định		1.135.052.485.030	1.207.760.772.930
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.134.538.212.142	1.207.027.542.005
222	Nguyên giá		1.935.996.380.548	1.936.273.688.548
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(801.458.168.406)	(729.246.146.543)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	514.272.888	733.230.925
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.871.025.317)	(13.652.067.280)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		7.355.004.411	1.613.449.895
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	7.355.004.411	1.613.449.895
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		2.174.999.307	27.050.400.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	2.174.999.307	27.050.400.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		127.987.423.330	128.970.164.695
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	125.203.381.959	125.699.633.023
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	2.784.041.371	3.270.531.672
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.104.564.025.408	1.978.542.728.708

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.289.456.151.462	1.199.891.718.708
310	I. Nợ ngắn hạn		899.472.345.054	732.355.214.479
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	379.306.954.467	307.455.221.651
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	25.668.129.950	39.684.873.401
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	23.478.489.285	6.186.423.340
314	4. Phải trả người lao động		22.135.954.490	23.825.789.965
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.544.885.350	8.748.411.266
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	51.236.973.900	3.695.538.774
320	7. Vay ngắn hạn	19	390.433.295.387	341.027.532.282
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.667.662.225	1.731.423.800
330	II. Nợ dài hạn		389.983.806.408	467.536.504.229
338	1. Vay dài hạn	19	389.503.649.908	467.173.155.962
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		480.156.500	363.348.267
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		815.107.873.946	778.651.010.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	815.107.873.946	778.651.010.000
411	1. Vốn cổ phần		599.377.980.000	599.377.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		599.377.980.000	599.377.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		35.297.435.379	35.297.435.379
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		179.213.447.567	142.756.583.621
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		94.806.345.221	43.159.309.038
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		84.407.102.346	99.597.274.583
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.104.564.025.408	1.978.542.728.708

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	1.192.338.415.053	918.116.756.494
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(353.886.264)	(410.931.196)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	1.191.984.528.789	917.705.825.298
11	4. Giá vốn hàng bán		(1.029.599.774.372)	(814.500.517.406)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		162.384.754.417	103.205.307.892
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	3.478.843.882	4.245.622.479
22	7. Chi phí tài chính	22	(25.036.747.142)	(14.925.825.476)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(13.162.005.068)	(13.288.939.089)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(211.800.693)	-
25	9. Chi phí bán hàng	23	(17.509.958.258)	(14.491.275.335)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(27.041.714.422)	(23.893.137.719)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		96.063.377.784	54.140.691.841
31	12. Thu nhập khác		659.437.131	482.137.872
32	13. Chi phí khác		(123.285.786)	(167.769.682)
40	14. Lợi nhuận khác		536.151.345	314.368.190
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		96.599.529.129	54.455.060.031
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(11.705.936.482)	(5.295.199.564)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.2	(486.490.301)	(72.847.907)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		84.407.102.346	49.087.012.560
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.408	819
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	1.408	819

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		96.599.529.129	54.455.060.031
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		72.638.293.533	73.875.537.279
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(1.814.366.852)	355.607.316
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.714.892.355	(483.574.072)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.094.001.058)	(2.464.617.372)
06	Chi phí lãi vay	22	13.162.005.068	13.288.939.089
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		186.206.352.175	139.026.952.271
09	Tăng các khoản phải thu		(17.892.332.827)	(63.104.423.287)
10	Tăng hàng tồn kho		(52.798.355.715)	(22.694.137.226)
11	Tăng các khoản phải trả		105.179.488.421	52.820.881.250
12	Giảm chi phí trả trước		288.928.360	2.482.504.151
13	Tiền lãi vay đã trả		(13.842.825.188)	(13.447.725.008)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.006.349.138)	(58.302.045)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		353.240.255	178.416.225
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(755.824.765)	(460.785.617)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		203.732.321.578	94.743.380.714
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(48.763.520.012)	(4.603.176.389)
24	Tiền thu hồi khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.663.600.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(27.050.400.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.865.746.708	2.122.767.852
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(22.234.173.304)	(29.530.808.537)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		674.395.322.489	533.446.005.599
34	Tiền trả nợ gốc vay		(711.067.797.793)	(525.855.563.434)
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	20.2	-	(1.045.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(36.672.475.304)	7.589.397.165

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		144.825.672.970	72.801.969.342
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		116.615.724.965	86.637.311.128
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		15.997.205	4.129.425
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	261.457.395.140	159.443.409.895



Người lập
Phan Thanh Phú



Kế toán trưởng
Phan Như Bích



Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Công ty hiện có hai dự án đầu tư:

- Xưởng sản xuất sợi tơ tổng hợp hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000029 do Ban Quản lý các khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2007. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2048.
- Nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY, FDY – Chi nhánh Trảng Bàng hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0380478317 thay đổi lần thứ 11 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 44 (bốn mươi bốn năm), kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Công ty có một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 1.076 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.085).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex tiền thân là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của Nhóm Công ty liên kết sau ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định trên giá trị thuần có thể thực hiện được từ các khoản đã thu hoặc phải thu, không bao gồm các khoản chiết khấu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ kế toán sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	82.056.768	21.191.594
Tiền gửi ngân hàng	11.995.338.372	10.294.533.371
Các khoản tương đương tiền (*)	249.380.000.000	106.300.000.000
TỔNG CỘNG	261.457.395.140	116.615.724.965

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất có thể áp dụng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu từ các bên khác	56.877.949.898	53.995.517.033
- Tong Siang Co., Ltd.	7.963.925.072	729.994.129
- Công ty TNHH Formosa Taffeta Đồng Nai	7.854.218.565	3.590.107.335
- Công ty TNHH Gain Lucky Việt Nam	7.156.123.569	12.760.392.958
- Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam	6.313.106.954	5.675.943.099
- Unifi Textiles (Suzhou) Co., Ltd	6.162.793.241	2.213.562.389
- Công Ty TNHH Polytex Far Eastern (Việt Nam)	5.627.682.306	3.442.526.435
- Các khách hàng khác	15.800.100.191	25.582.990.688
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.038.128.541	2.919.369.901
TỔNG CỘNG	57.916.078.439	56.914.886.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Hong Yan Engineering Co., Ltd	5.267.000.000	-
Oerlikon Barmag Zweigniederlassung	4.666.964.334	-
Starlinger & Co. Gesellschaft m.b.H	3.690.810.000	3.690.810.000
Công ty TNHH Cơ Khí Thiết bị Công nghiệp Tam Sơn	376.000.000	376.000.000
Các đối tượng khác	3.171.115.682	525.830.316
TỔNG CỘNG	<u>17.171.890.016</u>	<u>4.592.640.316</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bảo hiểm xã hội	-	1.371.988.301
Phải thu khác	770.535.538	46.815.080
TỔNG CỘNG	<u>770.535.538</u>	<u>1.418.803.381</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	770.535.538	1.418.803.381
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	-	-

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	218.447.150.721	(591.195.078)	227.824.914.132	(2.405.561.930)
Nguyên vật liệu	154.668.848.925	-	125.701.412.789	-
Hàng mua đang đi trên đường	81.467.231.954	-	46.984.650.564	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.273.898.400	-
TỔNG CỘNG	<u>454.583.231.600</u>	<u>(591.195.078)</u>	<u>401.784.875.885</u>	<u>(2.405.561.930)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	(2.405.561.930)	(1.573.899.125)
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(355.607.316)
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trích lập trong kỳ	1.814.366.852	-
Số cuối kỳ	<u>(591.195.078)</u>	<u>(1.929.506.441)</u>

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	270.581.433.202	1.486.837.001.617	174.063.527.649	4.791.726.080	1.936.273.688.548
Mua mới	-	-	94.000.000	-	94.000.000
Thanh lý	-	-	(371.308.000)	-	(371.308.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	270.581.433.202	1.486.837.001.617	173.786.219.649	4.791.726.080	1.935.996.380.548
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	28.495.410.884	91.548.601.556	21.396.752.786	166.208.678	141.606.973.904
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(108.526.041.594)	(547.206.238.010)	(70.961.127.861)	(2.552.739.078)	(729.246.146.543)
Khấu hao trong kỳ	(7.052.210.576)	(55.420.274.475)	(9.362.758.679)	(584.091.766)	(72.419.335.496)
Thanh lý	-	-	207.313.633	-	207.313.633
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	(115.578.252.170)	(602.626.512.485)	(80.116.572.907)	(3.136.830.844)	(801.458.168.406)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	162.055.391.608	939.630.763.607	103.102.399.788	2.238.987.002	1.207.027.542.005
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	155.003.181.032	884.210.489.132	93.669.646.742	1.654.895.236	1.134.538.212.142
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19.2)	101.830.267.565	358.257.401.091	68.922.030.942	1.730.256.266	530.739.955.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

		VND
		<i>Phần mềm máy vi tính</i>
Nguyên giá:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018		<u>14.385.298.205</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã hao mòn hết</i>		113.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017		(13.652.067.280)
Hao mòn trong kỳ		<u>(218.958.037)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018		<u>(13.871.025.317)</u>
Giá trị còn lại:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017		<u>733.230.925</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018		<u>514.272.888</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Máy móc thiết bị - dự án Trảng Bàng 5	5.601.402.453		206.488.895
Dự án nhà máy Unitex	692.800.000		692.800.000
Vốn hóa chi phí lãi vay - dự án Trảng Bàng 5	346.640.958		-
Mua tài sản khác	<u>714.161.000</u>		<u>714.161.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.355.004.411</u>		<u>1.613.449.895</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

		VND		
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VND</i>
Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam	36,00	<u>2.174.999.307</u>	36,00	<u>27.050.400.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>2.174.999.307</u>		<u>27.050.400.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam ("E.DYE") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314352362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2017. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của E.DYE là thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, phân phối bán lẻ hàng hóa. E.DYE có trụ sở chính đăng ký tại số 102-104-106 đường Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong kỳ, các cổ đông của E.DYE đã thống nhất hoàn trả lại phần vốn góp theo tỷ lệ tương ứng với số vốn đã góp để thực hiện dự án sợi màu. Theo đó, Công ty đã nhận hoàn trả số tiền là 24.663.600.000 VND.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	5.391.731.166	5.184.408.462
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.770.264.091	3.125.693.176
Chi phí thuê xe	89.576.000	358.304.000
Khác	2.531.891.075	1.700.411.286
Dài hạn	125.203.381.959	125.699.633.023
Tiền thuê đất (quyền sử dụng đất) (*)	116.798.952.458	116.996.400.501
Khác	8.404.429.501	8.703.232.522
TỔNG CỘNG	130.595.113.125	130.884.041.485

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 19.2, Nhóm Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tainan Spinning Co., Ltd	282.121.383.260	140.857.284.610
Indorama Polychem Indonesia	-	109.598.268.000
Far Eastern New Century Corporation	-	27.068.894.065
Các đối tượng khác	97.185.571.207	29.930.774.976
TỔNG CỘNG	379.306.954.467	307.455.221.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương	4.344.239.472	10.622.780.129
Treasure Star International Limited	5.326.032.364	6.434.026.383
Công ty TNHH Eclat Fabric Việt Nam	5.022.995.914	4.508.343.878
Universal Star Corporation	-	2.073.597.673
Các đối tượng khác	10.974.862.200	16.046.125.338
TỔNG CỘNG	25.668.129.950	39.684.873.401

16. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ cán trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.026.909.150	11.575.952.680	(3.006.349.138)	11.596.512.692
Thuế xuất, nhập khẩu	3.142.436.921	5.519.711.415	(5.843.870.339)	2.818.277.997
Thuế thu nhập cá nhân	17.077.269	2.178.793.419	(523.794.067)	1.672.076.621
Thuế giá trị gia tăng	-	62.059.236.281	(54.667.614.306)	7.391.621.975
TỔNG CỘNG	6.186.423.340	81.333.693.795	(64.041.627.850)	23.478.489.285
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải thu trong kỳ	Số đã cán trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	27.898.416.731	33.897.624.442	(27.466.589.465)	34.329.451.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.093.090.319	-	(129.983.803)	963.106.516
Thuế thu nhập cá nhân	4.132.185	-	(4.132.185)	-
Khác	45.452.561	1.888.285	(45.452.561)	1.888.285
TỔNG CỘNG	29.041.091.796	33.899.512.727	(27.646.158.014)	35.294.446.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí tiện ích	2.467.655.806	5.243.126.003
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.957.694.257	2.033.163.242
Chi phí lãi vay	958.035.287	1.292.214.449
Chi phí khác	161.500.000	179.907.572
TỔNG CỘNG	<u>5.544.885.350</u>	<u>8.748.411.266</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cổ tức	46.649.846.065	346.226.145
Bảo hiểm xã hội	2.764.454.724	2.150.454.078
Chi phí khác	1.822.673.111	1.198.858.551
TỔNG CỘNG	<u>51.236.973.900</u>	<u>3.695.538.774</u>

Công ty Cổ phần Sợi Thê Kỳ

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phát sinh trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
		Tăng	Giảm		
Ngắn hạn					VND
Các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	180.335.015.691	666.862.827.171	(584.586.004.362)	2.617.240.615	265.229.079.115
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	160.692.516.591	89.995.247.229	(126.481.793.431)	998.245.883	125.204.216.272
	341.027.532.282	756.858.074.400	(711.067.797.793)	3.615.486.498	390.433.295.387
Dài hạn					
Các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	467.173.155.962	7.532.495.318	(89.995.247.229)	4.793.245.857	389.503.649.908
TỔNG CỘNG	808.200.688.244	764.390.569.718	(801.063.045.022)	8.408.732.355	779.936.945.295

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chịu lãi suất dao động từ 2% đến 3% (đối với dư nợ ngoại tệ) và 4% đến 4,2%/năm (đối với dư nợ VND). Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Giá trị gốc	Kỳ hạn trả gốc
	VND	USD		
Ngân hàng TNHH CTBC	18.624.443.340			Từ ngày 11 tháng 7 năm 2018 đến ngày 26 tháng 7 năm 2018
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	99.446.125.920	4.336.944		Từ ngày 31 tháng 8 năm 2018 đến ngày 28 tháng 9 năm 2018
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	99.113.893.150	4.322.455		Từ ngày 4 tháng 8 năm 2018 đến ngày 1 tháng 10 năm 2018
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	11.214.145.800	489.060		Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Ngân Hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	34.797.192.200	1.517.540		Từ ngày 30 tháng 7 năm 2018 đến ngày 2 tháng 9 năm 2018
TỔNG CỘNG	265.229.079.115	10.665.999		

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng chịu lãi suất dao động từ 2,25% đến 3,10% (đối với dư nợ ngoại tệ) và 5,2% (đối với dư nợ VND). Chi tiết của khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Giá trị gốc	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Đô la Mỹ		
Ngân hàng TNHH CTBC	147.134.166.972	6.416.667	Từ ngày 1 tháng 9 năm 2018 đến ngày 1 tháng 3 năm 2021	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (dùng trong giai đoạn 4 của dự án Trắng Bàng)
	20.770.083.638		Ngày 5 tháng 12 năm 2022	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (dùng trong giai đoạn 5 của dự án Trắng Bàng)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	338.179.138.110	14.748.327	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2018 đến ngày 20 tháng 10 năm 2021	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị tại Chi nhánh Trắng Bàng, tỉnh Tây Ninh
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	8.624.477.460	376.122	Ngày 3 tháng 1 năm 2019	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (dùng trong giai đoạn 2 của dự án Trắng Bàng)
TỔNG CỘNG	514.707.866.180	21.541.116		

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	125.204.216.272	5.460.280
Vay dài hạn	389.503.649.908	16.080.836

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	535.160.240.000	35.297.435.379	1.219.011.000	123.431.856.238	695.108.542.617
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	49.087.012.560	49.087.012.560
Cổ tức công bố	-	-	-	(16.054.807.200)	(16.054.807.200)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	535.160.240.000	35.297.435.379	1.219.011.000	156.464.061.598	728.140.747.977
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	599.377.980.000	35.297.435.379	1.219.011.000	142.756.583.621	778.651.010.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	84.407.102.346	84.407.102.346
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(47.950.238.400)	(47.950.238.400)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	599.377.980.000	35.297.435.379	1.219.011.000	179.213.447.567	815.107.873.946

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 ngày 17 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2018/NQHĐQT ngày 23 tháng 5 năm 2018 phê duyệt tỷ lệ cổ tức bằng tiền là 8% mệnh giá cổ phiếu (tương đương 800 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	599.377.980.000	535.160.240.000
Cổ tức đã công bố	(47.950.238.400)	(80.274.027.200)
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	(1.045.000)
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	-

20.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	59.937.798	599.377.980.000	59.937.798	599.377.980.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	59.937.798	599.377.980.000	59.937.798	599.377.980.000
Cổ phiếu phổ thông	59.937.798	599.377.980.000	59.937.798	599.377.980.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.937.798	599.377.980.000	59.937.798	599.377.980.000

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Doanh thu gộp	1.192.338.415.053	918.116.756.494
<i>Trừ:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(348.271.704)	(410.931.196)
Giảm giá hàng bán	(5.614.560)	-
Doanh thu thuần	1.191.984.528.789	917.705.825.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lãi tiền gửi	2.469.796.118	2.464.617.372
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.009.047.764	1.297.431.035
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	483.574.072
TỔNG CỘNG	<u>3.478.843.882</u>	<u>4.245.622.479</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lãi tiền vay	13.162.005.068	13.288.939.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.159.849.719	1.636.886.387
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.714.892.355	-
TỔNG CỘNG	<u>25.036.747.142</u>	<u>14.925.825.476</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phí vận chuyển	8.482.862.509	7.322.640.424
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	4.879.553.646	3.691.167.223
Chi phí hoa hồng bán hàng	2.982.402.841	1.977.954.257
Chi phí khác	1.165.139.262	1.499.513.431
TỔNG CỘNG	<u>17.509.958.258</u>	<u>14.491.275.335</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nhân công	13.028.765.039	10.013.047.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.879.518.853	6.810.121.393
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	2.505.457.995	2.632.714.905
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.930.403.615	2.131.877.609
Chi phí khác	3.697.568.920	2.305.376.231
TỔNG CỘNG	<u>27.041.714.422</u>	<u>23.893.137.719</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	753.727.925.903	611.498.363.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.800.084.517	119.783.216.274
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	72.638.293.533	73.875.537.279
Chi phí nhân công	73.380.208.273	54.800.487.397
Chi phí khác	29.604.934.826	5.640.989.563
TỔNG CỘNG	<u>1.074.151.447.052</u>	<u>865.598.593.815</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- Đối với Văn phòng chính Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Tây Ninh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2016. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế (thuế suất 10%) trong vòng mười lăm (15) năm kể từ năm trước (năm 2016). Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
- Đối với Unitex, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế. Unitex được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.342.254.472	5.031.865.750
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	363.682.010	263.333.814
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	11.705.936.482 486.490.301	5.295.199.564 72.847.907
TỔNG CỘNG	12.192.426.783	5.368.047.471

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.599.529.129	54.455.060.031
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	15.903.546.863	8.101.207.835
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	245.218.881	242.629.246
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(4.320.020.971)	(3.168.012.689)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	363.682.010	263.333.814
Ảnh hưởng đến thuế thu nhập hoãn lại do thay đổi thuế suất	-	(71.110.735)
Chi phí thuế TNDN	12.192.426.783	5.368.047.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
				VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	382.892.963	401.876.509	(18.983.546)	(57.262.834)
Trích trước lương thưởng	2.250.676.386	2.306.301.659	(55.625.273)	(105.362.551)
Trợ cấp thôi việc phải trả	74.655.700	73.994.250	661.450	(2.128.100)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	118.239.016	481.112.386	(362.873.370)	71.121.463
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(42.422.694)	7.246.868	(49.669.562)	20.784.115
	2.784.041.371	3.270.531.672		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			(486.490.301)	(72.847.907)

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam	Công ty liên kết	Góp vốn Rút vốn	- 24.663.600.000	27.050.400.000 -
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	-	13.463.070.903
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	18.090.201.335	3.342.738.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản phải thu từ bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)

Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	<u>1.038.128.541</u>	<u>2.919.369.901</u>
---------------------------	---------------	----------	----------------------	----------------------

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ban Tổng Giám đốc	1.905.303.217	1.871.266.816
Hội đồng Quản trị	318.000.000	317.166.667
Ban Kiểm soát	305.021.545	81.473.214
TỔNG CỘNG	<u>2.528.324.762</u>	<u>2.269.906.697</u>

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	84.407.102.346	49.087.012.560
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.937.798	59.937.798
Lãi trên cổ phiếu (<i>mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu</i>)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.408	819
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.408	819

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	694.770.000	857.580.000
Từ 1 đến 5 năm	1.362.000.000	1.362.000.000
Trên 5 năm	10.243.375.000	10.413.625.000
TỔNG CỘNG	12.300.145.000	12.633.205.000

30. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (USD)	<u>298.350</u>	<u>208.537</u>

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Người lập
Phan Thanh Phú

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa



Ngày 14 tháng 8 năm 2018



Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower,
Số 2 Hải Triều, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chúng tôi đưa ra các giải trình trong bức thư này để phục vụ việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày. Chúng tôi hiểu rằng việc thu thập các giải trình của chúng tôi liên quan đến các thông tin được trình bày trong thư này là một thủ tục quan trọng cho phép Quý Công ty, căn cứ trên kết quả soát xét của mình, đưa ra kết luận về việc có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất và riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN").

Chúng tôi hiểu rõ rằng công việc soát xét được thực hiện theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ Soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Chúng tôi cũng hiểu rằng, cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Quý Công ty đạt được sự đảm bảo rằng Quý Công ty sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Quý Công ty không đưa ra ý kiến kiểm toán cho báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vì vậy, chúng tôi cung cấp các giải trình sau đây với tất cả sự hiểu biết và tin tưởng, trên cơ sở thực hiện các trao đổi mà chúng tôi cho là cần thiết để khẳng định rằng:

A. Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng và Sổ sách kế toán

1. Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của thư hẹn kiểm toán ký ngày 5 tháng 6 năm 2018, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với CMKTVN.
2. Là thành viên Ban Giám đốc Công ty, chúng tôi nhận thấy rằng chúng tôi có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chúng tôi tin tưởng rằng báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nêu trên đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất và riêng, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng của Công ty phù hợp CMKTVN và không có các sai lệch trọng yếu, kể cả các thiếu sót. Chúng tôi đã phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.





3. Là thành viên Ban Giám đốc Công ty, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty có hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với CMKTVN và không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.
4. Không có các chênh lệch kiểm toán chưa điều chỉnh trong đợt soát xét này hoặc liên quan đến các kỳ kế toán gần nhất được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng.

B. Gian lận

1. Chúng tôi nhận thấy rằng chúng tôi có trách nhiệm thiết kế, thực hiện và duy trì kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và phát hiện gian lận.
2. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý Công ty các kết quả đánh giá của chúng tôi về rủi ro báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể có sai sót trọng yếu do gian lận.
3. Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ hành vi gian lận nào hoặc biểu hiện nghi ngờ có hành vi gian lận nào liên quan đến Ban Giám đốc hoặc các nhân viên khác giữ vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ của Công ty. Ngoài ra, chúng tôi cũng không nhận thấy có hành vi gian lận hoặc biểu hiện nghi ngờ có hành vi gian lận liên quan đến các nhân viên khác mà hành vi gian lận đó có thể có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ cáo buộc nào về các hành vi bất thường trong lĩnh vực tài chính, bao gồm cả hành vi gian lận hoặc biểu hiện nghi ngờ có hành vi gian lận (cho dù dưới bất kỳ nguồn gốc hoặc hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cáo buộc từ "những người tố cáo sai phạm") mà những điều này có thể làm sai lệch báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hoặc ảnh hưởng đến công tác báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Công ty theo một cách khác.

C. Tuân thủ các luật lệ, quy định

1. Chúng tôi đã thông báo đến Quý Công ty tất cả các trường hợp không chấp hành luật lệ, quy định đã xảy ra hoặc nghi ngờ có khả năng không chấp hành luật lệ, quy định xảy ra mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ các luật lệ, các quy định này cần phải được xem xét khi lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



D. Các thông tin được cung cấp và tính đầy đủ của các thông tin và giao dịch

1. Chúng tôi đã trả lời đầy đủ các câu hỏi của Quý Công ty trong quá trình soát xét.
2. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý Công ty:
 - Quyền tiếp cận với tất cả các thông tin mà chúng tôi nhận thấy là có liên quan tới việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu có liên quan;
 - Các thông tin bổ sung mà Quý Công ty yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích soát xét; và
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với các cá nhân trong đơn vị mà Quý Công ty xác định là cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán.
3. Tất cả các giao dịch trọng yếu đều đã được ghi chép trong sổ sách kế toán và phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
4. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý Công ty tất cả các biên bản các cuộc họp của các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (hoặc bản tổng hợp nội dung của các cuộc họp gần đây nếu biên bản cho các buổi họp này chưa được lập) được tổ chức cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 tới ngày của cuộc họp gần nhất là ngày 14 tháng 8 năm 2018.
5. Chúng tôi xác nhận các thông tin đã cung cấp liên quan đến việc xác định các bên liên quan là đầy đủ. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý Công ty các thông tin về tất cả các bên liên quan cũng như tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi được biết, bao gồm bán hàng, mua hàng, vay và cho vay, chuyển nhượng tài sản, nợ phải trả và dịch vụ, cho thuê, bảo lãnh, giao dịch không bằng tiền và các giao dịch không phải hoàn trả trong giai đoạn lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cũng như các số dư với các bên liên quan vào thời điểm cuối kỳ kế toán. Các giao dịch này đã được hạch toán và trình bày hợp lý trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
6. Chúng tôi xác nhận sự đầy đủ thông tin được cung cấp liên quan đến việc ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần E.DYE Việt Nam ("E.DYE"). Đến thời điểm hiện tại, mọi hoạt động của E.DYE vẫn phải được phê duyệt của những cổ đông góp vốn khác trên cơ sở tỷ lệ vốn góp. Do đó, Công ty chỉ có ảnh hưởng trọng yếu hơn là kiểm soát về mặt tài chính và chính sách hoạt động của E.DYE.
7. Chúng tôi xác nhận các tài sản đang được ghi nhận trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đang trong quá trình chạy thử và chưa đạt được hiệu suất như thỏa thuận với nhà cung cấp máy móc thiết bị. Do đó, Công ty vẫn chưa tiến hành nghiệm thu và bán giao đưa vào sử dụng các máy móc thiết bị trên. Chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình chạy thử các máy móc thiết bị được kế toán ước tính và vốn hóa vào giá trị tài sản theo hướng dẫn của quy định kế toán hiện hành.

ch



8. Chúng tôi đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở liên quan đến giá bán có thể bán được liên quan đến số lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Theo đó, chúng tôi có cơ sở chắc chắn hàng tồn kho của Công ty không bị giảm giá bán và lỗi thời. Chúng tôi chưa ban hành chính sách liên quan đến việc lập dự phòng cho hàng tồn kho chậm luân chuyển. Công ty đã lên kế hoạch để bán lượng hàng chậm luân chuyển này trong các quý còn lại trong năm 2018.
9. Chúng tôi đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến quá trình đăng ký ưu đãi thuế đối với dự án Nhà máy Trắng Bàng và có cơ sở đáng tin cậy về việc được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định 218/2013/ NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 do Chính Phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ 11 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2017. Theo đó, Nhà máy Trắng Bàng được hưởng ưu đãi thuế (thuế suất 10%) trong vòng mười lăm (15) năm kể từ năm 2016. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.
10. Chúng tôi tin tưởng rằng các giả định quan trọng mà chúng tôi sử dụng khi lập các ước tính kế toán, bao gồm các ước tính về giá trị hợp lý, là phù hợp.
11. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý Công ty, cũng như Quý Công ty đã tuân thủ với mọi điều khoản của các hợp đồng mà trong trường hợp không tuân thủ sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, bao gồm cả các khế ước, các điều kiện hoặc các quy định khác của khoản nợ chưa thanh toán.

E. Nợ phải trả và nợ tiềm tàng

1. Tất cả các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng, kể cả các khoản mục liên quan đến các hoạt động bảo lãnh, cho dù được thỏa thuận bằng văn bản hoặc bằng lời, đều đã được cung cấp cho Quý Công ty và được phản ánh một cách phù hợp trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
2. Chúng tôi đã thông báo cho Quý Công ty các vụ kiện tụng và các tranh chấp đang diễn ra hoặc có thể phát sinh không phụ thuộc vào việc các vụ việc này đã được trao đổi với luật sư hay chưa.
3. Trừ các vấn đề được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, không có các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng, kể cả các vụ khiếu kiện đang xảy ra đối với Công ty.
4. Chúng tôi không nhận thấy bất kỳ sự vi phạm đã xảy ra hoặc có thể xảy ra nào liên quan các luật lệ hoặc quy định mà ảnh hưởng của việc vi phạm này phải được xem xét để trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hoặc ghi nhận như một khoản lỗ tiềm tàng (ngoại trừ các vấn đề đã được trình bày hoặc trích trước trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ).



5. Chúng tôi không nhận thấy bất kì trường hợp không tuân thủ với các quy định của các cơ quan quản lý hoặc cơ quan Nhà nước nào đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, bao gồm các yêu cầu báo cáo thông tin tài chính, và không có bất kì thông tin nào từ phía các cơ quan quản lý hoặc cơ quan Nhà nước liên quan đến việc điều tra hoặc các cáo buộc về việc không tuân thủ, ngoại trừ các vấn đề sau:
 - (i) Các vấn đề mang tính thường xuyên, thông thường, định kỳ (ví dụ: các cuộc kiểm tra của ngân hàng, bảo hiểm, kiểm tra của cơ quan thuế, v.v.). Các vấn đề này không phải là các cáo buộc về việc không tuân thủ các luật lệ hoặc quy định mà cần phải được xem xét để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hoặc để làm cơ sở ghi nhận một khoản lỗ tiềm tàng.
6. Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng sẽ trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

F. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng

1. Như được trình bày tại Thuyết minh số 31 và 30 của báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

G. Quyền sở hữu tài sản

1. Công ty có toàn quyền sở hữu đối với tất cả tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng, và không có bất kỳ tài sản nào của Công ty là đối tượng tranh chấp hoặc được sử dụng để thế chấp, ngoại trừ các tài sản được trình bày tại Thuyết minh số 9 trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tất cả các tài sản mà Công ty có toàn quyền sở hữu đã được trình bày trên bảng cân đối kế toán.
2. Tất cả các thỏa thuận và các quyền chọn để mua lại các tài sản đã bán trước đó đã được ghi nhận phù hợp và thuyết minh đầy đủ trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
3. Chúng tôi không có kế hoạch ngưng sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm hoặc có kế hoạch hoặc dự định nào khác có thể dẫn đến tình trạng làm tăng lượng hàng tồn kho cao hơn mức cần thiết hoặc gây ra tình trạng phát sinh hàng tồn kho lỗi thời; không có hàng tồn kho nào được ghi nhận giá trị ở mức cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.
4. Không có các khoản bù trừ chính thức hay không chính thức nào đối với các số dư tiền gửi và tài khoản đầu tư. Chúng tôi không có các hạn mức tín dụng nào khác, ngoại trừ những khoản đã được trình bày tại Thuyết minh số 19 trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2022
TY
ÁN
KỶ
Ồ CH



H. Ghi nhận, Đánh giá và Công bố

1. Hàng tồn kho và chi phí sản xuất kinh doanh được hạch toán trong bảng cân đối kế toán riêng là khoản định lượng được xác định dựa trên biên bản kiểm kê hàng tồn kho đã được điều chỉnh trên cơ sở thực hiện kiểm kê thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng (hoặc theo từng thời điểm trong kỳ) của các nhân viên có thẩm quyền với sự giám sát của cán bộ cấp cao.
2. Chúng tôi không có bất kỳ kế hoạch hoặc ý định nào có thể làm ảnh hưởng một cách trọng yếu đến giá trị ghi sổ cũng như việc phân loại tài sản và công nợ được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
3. Chúng tôi cũng đã xem xét các quy định của CMKTVN khi xác định giá trị ghi sổ của các tài sản dài hạn và đảm bảo rằng không có tài sản dài hạn nào được ghi nhận vượt quá số tiền thu hồi của chúng.
4. Dự phòng đã được trích lập đầy đủ cho các lỗ khi thu hồi các khoản phải thu.

I. Vốn chủ sở hữu

1. Không có quyền chọn và thỏa thuận mua lại cổ phần và không có người nào có quyền chọn đăng ký mua cổ phần trong Công ty.
2. Không có hạn chế đáng kể đối với khả năng của chúng tôi trong việc phân phối lợi nhuận giữ lại của Công ty do hạn chế luật định, hợp đồng, kiểm soát ngoại hối, hoặc các hạn chế khác.

J. Các cam kết mua bán và phương thức bán hàng

1. Không có bất kỳ khoản lỗ nào phát sinh từ các cam kết mua và bán mà chưa được trích lập dự phòng trong các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
2. Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có bất kỳ cam kết hoặc nghĩa vụ theo hợp đồng dưới bất kỳ hình thức nào mà các cam kết này không liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến Công ty.

Chúng tôi đã cung cấp cho Quý Công ty tất cả các thỏa thuận liên quan đến việc bán hàng cho các đại lý và nhà phân phối. Những thỏa thuận này đã phản ánh đầy đủ toàn bộ các nội dung đã được thống nhất và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác bằng văn bản hoặc bằng lời nói.

K. Thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế gián thu khác

1. Chúng tôi nhận thấy rằng chúng tôi có trách nhiệm đối với phương pháp kế toán thuế, đã được áp dụng một cách nhất quán trong kỳ hiện tại, và đối với việc tính toán các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cho kỳ hiện hành.



2. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng chúng tôi có trách nhiệm đối với kế hoạch về thu nhập chịu thuế trong tương lai, trong đó đã thể hiện các ước tính của chúng tôi về kết quả của các kế hoạch này, dựa trên các bằng chứng hiện có, và đối với các giả định quan trọng được sử dụng trong các phân tích của chúng tôi. Chúng tôi sẽ thực hiện các kế hoạch cần thiết để ngăn ngừa các khoản lỗ tính thuế hoặc các khoản được giảm trừ thuế bị hết hạn.
3. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý Công ty tất cả các ý kiến và các trao đổi của cơ quan thuế, hoặc các thông tin cần thiết khác để hỗ trợ cho việc hạch toán các vấn đề có thể có tính trọng yếu.
4. Chúng tôi cũng đã cung cấp cho Quý Công ty các ý kiến tư vấn thuế đối các khoản mục có thể có tính trọng yếu làm căn cứ cho việc trích trước chi phí thuế của chúng tôi (bao gồm các khoản trích trước tiềm tàng hay không trích trước và việc xác định chi phí lãi trả chậm và các khoản phạt chậm nộp), cũng như các quan điểm tư vấn thuế trái ngược với ý kiến trên hoặc đưa ra mức độ đảm bảo thấp hơn cho các cơ sở được chúng tôi lựa chọn sử dụng để làm căn cứ cho quan điểm về thuế của mình.

L. Báo cáo Lãi/Lỗ

1. Kết quả hoạt động trong kỳ không bị ảnh hưởng đáng kể bởi:
 - (i) các nghiệp vụ không thực hiện thường xuyên;
 - (ii) các trường hợp ngoại lệ hoặc không định kỳ.
2. Đặc biệt, tất cả doanh thu của Công ty đã được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tương tự như vậy, tất cả chi phí đều đã được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chúng liên quan đến hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty.

Tất cả chi phí được hạch toán trong các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đều đã được chi cho mục đích kinh doanh của Công ty và không bao gồm bất kỳ chi phí cá nhân của Ban Giám đốc và/ hoặc cổ đông Công ty.

M. Chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của các công ty trong Nhóm Công ty được áp dụng nhất quán với các chính sách của Công ty, trên khía cạnh trọng yếu.



Handwritten signature



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Tòa nhà Bitexco Financial Tower
Số 2 Hải Triều, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Kính gửi: Ông Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Về việc: Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng

Chúng tôi cung cấp thư này liên quan đến việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ ("Công ty") vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Chúng tôi xác nhận rằng không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng và đến ngày của thư này (hoặc chưa giải quyết vào ngày của thư này) yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh liên quan đến hoạt động của Công ty yêu cầu phải được thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể dẫn đến sự sai lệch về tình hình tài chính hợp nhất và riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng giữa niên độ, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.



Đặng Triệu Hòa
Tổng Giám đốc

Phan Như Bích
Kế toán trưởng